

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/DS-ST

Ngày : 11 - 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, hợp
đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai

- Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 283/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thanh L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số 7/40B, khóm A, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 1/51, đường K, khóm BL3, phường C, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Bá P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 104, Thủ Khoa Huân, khóm Châu Thới, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh L trình bày:

Do quen biết, ngày 14/9/2020, bà Huỳnh Thị Thanh L cho ông Nguyễn Bá Q vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, hai bên có làm biên nhận nợ do ông Q trực tiếp ký tên, lãi suất thỏa thuận miệng. Để đảm bảo thực hiện khoản vay, bà L và ông Q đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 274102, số vào sổ CH 01164dL, diện tích 953,9m², thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 49 do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P, hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia cùng ngày 14/9/2020 (ông Nguyễn Bá P làm hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Bá Q vào ngày 04/9/2020 tại văn phòng công chứng Long Xuyên với nội dung toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên).

Bà L đã giao đủ tiền cho ông Q, kèm theo thỏa thuận miệng nếu trong 03 tháng ông Q không trả tiền thì bà L sẽ tiến hành làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất như Hợp đồng đã ký ngày 14/9/2020. Đến hạn ông Q không trả tiền cho bà L và xin gia hạn đến ngày 30/3/2021 (có biên nhận). Sau đó, ông Q có đưa cho bà L 03 lần tiền và nói là trả tiền lãi với lãi suất 3%/tháng, số tiền bà L đã nhận là 127.000.000 đồng. Hiện nay bà L đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên nhưng không quản lý đất.

Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà L khởi kiện yêu cầu buộc ông Q có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 14/9/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Bà L đồng ý khấu trừ số tiền 127.000.000 đồng đã nhận của ông Q vào tiền lãi mà Tòa án buộc ông Q phải trả cho bà L. Nay bà L tạm tính lãi đến ngày khởi kiện, cụ thể như sau: Từ ngày 14/9/2020 đến ngày 14/4/2022 là 19 tháng: Vốn 800.000.000 đồng x 20%/năm (1,667/tháng) x 19 tháng = 253.336.000 đồng.

Số tiền lãi ông Q phải trả cho bà L: 253.336.000 đồng – 127.000.000 đồng = 126.336.000 đồng.

Tổng số tiền bà L yêu cầu ông Q phải trả là: 926.336.000 đồng (trong đó: tiền gốc 800.000.000 đồng và lãi 126.336.000 đồng).

Đồng thời, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/9/2020, số công chứng 2414, tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia vô hiệu, bà L sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ274102, số vào sổ CH01164 dL do UBND huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P cho ông Nguyễn Bá Q. Số tiền cho ông Q vay là tiền của cá nhân bà L, không liên quan đến ai khác, bà L chỉ yêu cầu một mình ông Q chịu trách nhiệm trả tiền cho bà.

Bị đơn ông Nguyễn Bá Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và tại phiên tòa nhưng có văn bản trình bày ý kiến:

Ông Q thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh L, theo đó, ông Q sẽ có trách nhiệm trả cho bà L số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi suất 126.336.000 đồng, tổng cộng là 926.336.000 đồng. Đồng thời, ông

Q cũng thống nhất tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/9/2020, số công chứng 2414, tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia vô hiệu vì thực chất đây chỉ là hình thức để bảo đảm cho khoản vay giữa ông với bà L; và bà L sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274102, (số vào sổ CH01164 dL) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P cho ông Nguyễn Bá Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không giao nộp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc ông Q phải trả cho bà L tiền gốc sau khi khấu trừ lãi vượt đã nhận vào vốn là 743.016.000 đồng và tiếp tục tính lãi suất theo quy định pháp luật (20%/năm) từ ngày 15/3/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

+ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/9/2020, số công chứng 2414, tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia giữa bà Huỳnh Thị Thanh L với ông Nguyễn Bá Q vô hiệu, bà L có trách nhiệm trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD274102, số vào sổ CH01164dL, diện tích 953,9m², thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 49 do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P cho ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị Thanh L khởi kiện ông Nguyễn Bá Q. Ông Q có nơi cư trú tại khóm BL3, phường C, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nên Tòa án

nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 14/9/2020 tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia là vô hiệu, xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn ông Nguyễn Bá Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/6/2022 là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét chấp nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P được thể hiện trong hồ sơ vụ án là phù hợp với Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”*. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án:

[4] Bà L yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 14/9/2020 đến ngày Tòa án xét xử. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, biên nhận mượn tiền ngày 14/9/2020 do ông Q ghi và ký tên, bản tự khai ngày 06/6/2022 ông Q trình bày thống nhất nội dung bà L khởi kiện, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Do đó, có cơ sở xác định ngày 14/9/2020, giữa bà L và ông Q có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 800.000.000 đồng, có thỏa thuận thời hạn vay, ông Q đã đưa cho bà L 03 lần tiền là 127.000.000 đồng với mức lãi suất 3%/tháng. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Việc ông Q không thanh toán số tiền vay còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc ông Q trả số tiền vay còn nợ cho bà L là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về lãi suất vay: Theo biên nhận nợ ngày 14/9/2020, không thể hiện về lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày khi cho vay thì hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng và bà thừa nhận đã nhận 03 lần tiền lãi của khoản vay 800.000.000 đồng với số tiền là 127.000.000 đồng, bà L đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận nếu cao hơn so với quy định pháp luật. Theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự: *“Lãi suất do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*. Nguyên đơn bà L yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày làm biên nhận nợ cho đến ngày xét xử. Xét thấy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật và đồng ý khấu trừ số tiền lãi vượt quá đã nhận vào tiền vốn là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được xem xét chấp nhận.

Mức lãi suất được áp dụng tại thời điểm xét xử là 1,667%/tháng, tiền lãi mà bà L đã nhận 06 tháng, với lãi suất 3%/tháng là 127.000.000 đồng. Trong khi tiền lãi 06 tháng (từ ngày 14/9/2020 đến ngày 14/3/2021) theo quy định pháp luật là: 800.000.000 đồng x 1.667%/tháng x 06 tháng (tức 182 ngày) = 80.016.000 đồng.

Số tiền ông Q đóng lãi vượt là: 127.000.000 đồng – 80.016.000 đồng = 46.984.000 đồng. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào nợ gốc như sau: 800.000.000 đồng – 46.984.000 đồng = 753.016.000 đồng.

Số tiền lãi tính từ ngày 15/3/2021 đến ngày xét xử (11/8/2022) là:

753.016.000 đồng x 1.667%/tháng x 01 năm 04 tháng 27 ngày (tức 515 ngày) = 215.446.244 đồng.

Như vậy, số tiền nợ gốc và tiền lãi mà ông Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà L là: 753.016.000 đồng + 215.446.244 đồng = 968.462.244 đồng (*chín trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng*).

[8] Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 753.016.000 đồng, tiền lãi 215.446.244 đồng (tạm tính đến ngày 11/8/2022), tổng cộng 968.462.244 đồng (*chín trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng*).

[9] Bà L và ông Q cùng có yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 274102 (số vào sổ CH01164 dL) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P, hợp đồng đã được công chứng tại văn phòng công chứng Hoàng Gia ngày 14/9/2020 giữa bà L với ông Q vô hiệu và bà L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Bá Q.

[10] Căn cứ Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực...*”. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất nội dung việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2414, quyền số 05.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/9/2020 được ký kết giữa bà L với ông Q nhằm mục đích để ông Q đảm bảo khoản vay nhưng thực chất các bên không thực hiện việc chuyển nhượng trên thực tế, không làm thủ tục sang tên mà bà L chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274102 (số vào sổ CH01164 dL) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2414, quyền số 05.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/9/2020 được ký kết giữa bà L với ông Q là vô hiệu.

[11] Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập và các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu. Vì vậy, cần buộc bà L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274102 (số vào sổ CH01164 dL) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P cho ông Q nhận lại.

[12] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 200, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 124, 131, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh L đối với ông Nguyễn Bá Q.

[2] Buộc ông Nguyễn Bá Q có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thanh L tiền nợ gốc 753.016.000 đồng (*bảy trăm năm mươi ba triệu, không trăm mười sáu nghìn đồng*), tiền lãi 215.446.244 đồng (*hai trăm mười lăm triệu, bốn trăm bốn*

mười sáu nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng) (tính đến ngày 11/8/2022), tổng cộng: 968.462.244 đồng (*chín trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/9/2020 giữa bà Huỳnh Thị Thanh L với ông Nguyễn Bá Q lập tại văn phòng công chứng Hoàng Gia, số công chứng 2414, quyển số 05.TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

Buộc bà Huỳnh Thị Thanh L trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 274102 (số vào sổ CH01164 dL) do Ủy ban nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2010 mang tên ông Nguyễn Bá P cho ông Q nhận lại.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bá Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và 41.053.867 đồng (*bốn mươi một triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí đối với giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ, tổng số tiền án phí ông Q phải nộp là: 41.353.867 đồng (*bốn mươi một triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

Bà Huỳnh Thị Thanh L được nhận lại số tiền 19.895.000 đồng (*mười chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001022 ngày 28/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung